

**SÁCH HAY THỐNG KÊ**

**BÁO CÁO CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN  
CON NGƯỜI VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2016-2020**



**Báo cáo chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016-2020** là ấn phẩm được Tổng cục Thống kê (TCTK) chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thống kê Bộ, ngành và sự hỗ trợ kỹ thuật từ Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) biên soạn và công bố.

Có thể thấy, chỉ số phát triển con người (HDI) là một trong những chỉ tiêu tổng hợp, đo lường sự phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương do UNDP khởi xướng từ năm 1990 và đang được nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế tính toán, công bố thường xuyên. Trong những năm gần đây, TCTK đã biên soạn, công bố HDI của cả nước trong Niên giám thống kê và một số sản phẩm thông tin thống kê khác. HDI do TCTK biên soạn, công bố được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tin cậy, sử dụng.

Nhằm tiếp tục phát huy kết quả đạt được, Báo cáo “Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020” được biên soạn dựa trên cơ sở phương pháp tính HDI đang được các quốc gia, vùng

lãnh thổ và các tổ chức quốc tế thống nhất áp dụng, Báo cáo đã thu thập thông tin đầu vào để biên soạn HDI chung cả nước và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương những năm 2016 – 2020. Báo cáo đi sâu phân tích HDI đã tính toán, tổng hợp được; góp phần phản ánh động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước những năm vừa qua trên 3 tiêu chí quan hệ trực tiếp đến mỗi người dân; đó là: Sức khỏe, giáo dục và thu nhập.

Ấn phẩm “Báo cáo phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020” bao gồm cả phương pháp tính và kết quả tính. Với kết cấu nội dung gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020 với các nội dung: (i) Khái quát nội dung, phương pháp tính Chỉ số phát triển con người; (ii) Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020; (iii) Kết luận và kiến nghị.

Phần thứ hai: Hệ thống số liệu Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020; bao gồm 17 biểu tổng hợp HDI và các chỉ tiêu liên quan của cả nước và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2016-2020.

Báo cáo cho biết, từ các kết quả tính toán và phân tích HDI cả nước những năm 2016 - 2020 cho thấy, nhờ đạt được sự gia tăng liên tục qua các năm, Việt Nam đã từ Nhóm các nước có HDI trung bình năm 2018 và những năm trước đó, gia nhập Nhóm đạt mức cao trong những năm 2019 - 2020. HDI tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Theo đó, thứ hạng của Việt Nam trong Danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới đã tăng từ vị trí 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019 và có thể còn tiếp tục cải thiện trong năm 2020, khi UNDP cập nhật Bảng xếp hạng.

Đáng chú ý là, với mức độ khác nhau, tăng trưởng HDI đều có sự đóng góp của cả 3 Chỉ số thành phần cấu thành do các Chỉ số này cũng đạt được tốc độ tăng. Chỉ số sức khỏe tăng từ 0,822 năm 2016 lên 0,826 năm 2020; Chỉ số giáo dục tăng từ 0,618 lên 0,640; Chỉ số thu nhập tăng từ 0,624 lên 0,664. Tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có HDI năm 2020 cao hơn năm 2016. Theo tiêu chuẩn phân nhóm HDI của UNDP, năm 2020 đã có 24 địa phương được xếp vào nhóm có

HDI đạt mức cao. Như vậy, các địa phương đã có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng HDI chung của cả nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực trạng HDI của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 bộc lộ một số vấn đề cần xử lý, khắc phục. Mức độ tăng và tốc độ tăng HDI của cả nước và hầu hết các địa phương đều thấp. Năm 2020, HDI cả nước đạt 0,706, chỉ tăng 0,024 so với năm 2016 với tốc độ tăng bình quân mỗi năm 0,9%. HDI của một số địa phương, trong đó có các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp, dịch vụ có dấu hiệu chững lại. Sự đóng góp của các Chỉ số thành phần vào cấu thành HDI đều thấp, đặc biệt là Chỉ số giáo dục. Những năm 2016 - 2020, HDI của Việt Nam mới đạt mức bình quân của khu vực, xếp thứ 7/11 quốc gia Đông Nam Á. HDI giữa các địa phương có sự chênh lệch lớn và khoảng cách chênh lệch chậm được thu hẹp.

Báo cáo cũng đã đề cập tới một số kiến nghị, bao gồm: (i) HDI là thước đo tổng hợp, đánh giá toàn diện kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, HDI phải được xác định là một trong những chỉ tiêu chủ yếu trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của từng địa phương. Đồng thời đòi hỏi có một hệ thống các giải pháp đồng bộ và triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả; đặc biệt là các giải pháp tăng cường dịch vụ y tế, giáo dục vì các lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến phát triển con người. (ii) Trong thời gian tới, TCTK sẽ tăng cường biên soạn và công bố Chỉ số phát triển con người (HDI) và Báo cáo phát triển con người (HDR) của cả nước và 63 địa phương. Ngoài nỗ lực của TCTK, rất cần sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin đầu vào biên soạn HDI và HDR. (iii) Báo cáo phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 có một số khác biệt về số liệu HDI của Việt Nam so với HDR hằng năm của UNDP; chủ yếu do các tổ chức quốc tế cung cấp số liệu đầu vào cho UNDP chưa cập nhật số liệu chính thức hoặc số liệu điều chỉnh của TCTK. Tuy nhiên, khác biệt không lớn và chỉ xảy ra trong năm 2016 - 2017./.

**Gia Linh (Tổng hợp)**

## Ngành tôm Việt Nam...

(Tiếp theo trang 26)

Các sản phẩm tôm chính xuất khẩu sang thị trường này gồm có: Tôm chân trắng tươi bỏ đầu, lột vỏ bỏ đuôi tẩm bột đông lạnh, tôm chân trắng tươi bỏ đầu... Bộ Công Thương cũng cho biết, nhiều lô hàng đã xuất đi Nga nhưng chưa chắc chắn về khả năng thông quan và hầu hết doanh nghiệp xuất khẩu tôm sang Nga hiện đang gặp khó khăn về khâu thanh toán qua ngân hàng do tác động từ việc ngắt kết nối hệ thống thanh toán quốc tế (SWIFT). Việc các hãng tàu lớn đã tuyên bố không vận chuyển đi và đến Nga cũng dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí vận chuyển tăng cao, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Không chỉ ảnh hưởng từ thị trường nước Nga, xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2022 do tác động đến từ tình hình chung của thế giới và các thị trường quốc tế khác. Mặc dù xuất khẩu thủy sản quý I/2022 đạt kết quả cao nhất so với quý I hàng năm từ trước tới nay, báo hiệu một năm xuất khẩu thủy sản có nhiều triển vọng tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có khả năng sẽ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu tiêu dùng thủy sản toàn cầu có thể sẽ chững lại với tác động của lạm phát và tình trạng khó khăn trong hoạt động vận chuyển. Từ đầu năm 2022, giá cước vận tải biển đi các chặng Hoa Kỳ, châu Âu tiếp tục ở mức cao gây áp lực lên giá thủy sản. Thêm vào đó, dịch Covid-19 trên toàn cầu dẫn được kiểm soát, hoạt động nuôi trồng thủy sản dần phục hồi, nguồn cung tăng lên sẽ tạo áp lực cạnh tranh trên thị trường, giá thủy sản có khả năng giảm trong thời gian tới.

Năm 2022, ngành Tôm Việt Nam đặt ra kỳ vọng xuất khẩu vượt mốc 4 tỷ USD, tăng 10-12% so với năm trước, trong đó, tăng trưởng do yếu tố giá đóng góp khoảng 7-10% và tăng trưởng do sản lượng tăng đóng góp 2-5%. Để đạt được điều đó, ngành Tôm cần triển khai mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp giải quyết các tồn tại về bao tiêu sản phẩm cả đầu vào và đầu ra, chi phí sản xuất, môi trường, dịch bệnh và xúc tiến mạnh thương mại quốc tế, giữ vững thị trường vốn có và không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường quốc tế. Có như thế, Việt Nam mới có thể kỳ vọng hoàn thành mục tiêu xuất khẩu tôm đạt 10 tỷ USD vào năm 2025./.